

lưu THADS tỉnh Hà Giang

- Chuyển p. Kêna,

- Cao Kê đã Que bằng bịch

Mẫu số: C 48-THA

(Ban hành theo TT số: 09/TT-BTP

ngày 30/5/2011 của Bộ Tư pháp)

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH HÀ GIANG  
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
HUYỆN BẮC QUANG  
Số: 03/KL-CCTHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Quang, ngày 25 tháng 8 năm 2015

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ-T. HÀ GIANG  
**CÔNG VĂN ĐẾN**  
Số: 1253 /CV  
Ngày: 28 Tháng 8 Năm 2015

**KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO**

Đối với ông Lê Quang Trọng; Chức vụ: Chấp hành viên  
Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang

Ngày 02/7/2015, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số: 04/QĐ-CCTHA về việc thụ lý giải quyết tố cáo và thành lập Đoàn xác minh tố cáo của bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu, Hoàng Thị Kiều Chinh; cùng trú tại: Thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang tố cáo đối với ông Lê Quang Trọng Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang- Người trực tiếp tổ chức thi hành án đối với bà Lê Thị Dung (mẹ của bà Hải, bà Thu, bà Chinh); cùng trú tại: Thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang.

Xét nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh tố cáo, các tài liệu, bằng chứng có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang kết luận như sau:

**I/ KẾT QUẢ XÁC MINH CÁC NỘI DUNG TỐ CÁO:**

**1/ Nội dung tố cáo:**

Nội dung bà Hải, bà Thu, bà Chinh tố cáo đó là: “ ... Chúng tôi làm đơn này tố cáo ông Lê Quang Trọng- chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã có hành vi vi phạm pháp luật làm sai quy trình trong việc kê biên cưỡng chế phần diện tích đất 1.928m<sup>2</sup>, thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình tôi, do cha chúng tôi ông Hoàng Ngọc Duy làm chủ hộ.

Hành vi thiếu trách nhiệm và cố ý làm trái quy định pháp luật trong việc xác định phần diện tích đất trên là tài sản chung của vợ chồng (của ông Duy và bà Dung) là không đúng, vì phần đất diện tích 1.928m<sup>2</sup>, thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, được uỷ Ban Nhân Dân Huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy, trong hộ gia đình có 5 thành viên (gồm ông Duy bà Dung và chúng tôi)- Đây là tài sản của hộ gia đình được pháp luật công nhận. Việc xác định sai quyền sử dụng đất của hộ gia đình thành tài sản của chung của vợ chồng (của ông Duy và bà Dung), dẫn đến việc kê biên cưỡng chế trái quy định của tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi và của Công Ty TNHH Chè Hoàng Hải, ngoài cá nhân bà Dung có trách nhiệm thi hành án những người trong hộ gia đình chúng tôi không có nghĩa vụ phải thi hành.

Theo các bản án và các quyết định thi hành án (có gửi kèm theo), thì người phải thi hành án là cá nhân bà Lê Thị Dung phải thi hành án cho những người được thi hành án. Việc thi hành án của bà Lê Thị Dung không phải là nghĩa vụ của những thành viên khác trong hộ gia đình.



Thế nhưng, trong năm 2011 với tư cách là chấp hành viên, ông Lê Quang Trọng đã tiến hành tổ chức kê biên tài sản không phải tài sản riêng của bà Lê Thị Dung, mà tài sản kê biên là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình chúng tôi bao gồm 5 thành viên (cụ thể Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số: 11/QĐ-CCTHA ngày 08/9/2011 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang: kê biên QSD đất diện tích 1.982m<sup>2</sup> thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy trong đó có quyền sử dụng của chúng tôi) và những tài sản khác trên đất như: nhà, xưởng... là của Công ty TNHH Chè Hoàng Hải. Đồng thời, chấp hành viên Lê Quang Trọng còn tiến hành cưỡng chế giao tài sản kê biên cho người được thi hành án. Việc cưỡng chế kê biên tài sản và giao tài sản của chấp hành viên Lê Quang Trọng là cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của chúng tôi trong hộ gia đình. Trong khi người phải thi hành án chỉ là cá nhân bà Lê Thị Dung. Nhưng tài sản kê biên là QSD đất được cấp cho hộ gia đình chứ không phải tài sản chung của ông Duy bà Dung. Việc ông trọng xác định sai quyền sử dụng đất của hộ gia đình chúng tôi thành tài sản chung của ông Duy và bà Dung, dẫn đến việc ông Trọng sai quy trình kê biên theo khoản 1 điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi và thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty TNHH Chè Hoàng Hải.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008: “ ...

Chấp hành viên Lê Quang Trọng đã cố tình làm trái pháp luật vì QSD đất là tài sản chung của hộ gia đình (chưa được xác định rõ phần giá trị của từng thành viên trong hộ gia đình) ông Trọng không thông báo mà kê biên là trái pháp luật- Trường hợp này chỉ kê biên khi đã thông báo đầy đủ thủ tục theo khoản 1 Điều 74 và chỉ được kê biên khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án xác định rõ từng phần của các thành viên và khi đó trình tự kê biên được áp dụng theo khoản 2 và khoản 3 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 như sau:

“2. Tài sản kê biên thuộc sở hữu chung đã xác định được phần sở hữu của các chủ sở hữu chung được sử lý như sau:

a) Đối với tài sản chung có thể chia được thì Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế phân tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải thi hành án;

b) Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia ...

3. Khi bán tài sản chung, chủ sở hữu chung được quyền ưu tiên mua tài sản”.

Tài sản ông Lê Quang Trọng đã kê biên trái pháp luật là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang ký hiệu số S 024988 tờ bản đồ số 19-43 thửa số 136 với diện tích 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng. Phần diện tích này không thuộc quyền sử dụng của hai vợ chồng ông Duy, bà Dung mà là tài sản của hộ gia đình chúng tôi.

Việc làm của chấp hành viên Lê Quang Trọng là trái pháp luật đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích của chúng tôi. Đến năm 2013 ông Trọng cố tình tiếp tục kê biên tài sản của hộ gia đình chúng tôi trái pháp luật một lần nữa.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tôi và các thành viên trong hộ gia đình chúng tôi và Công ty TNHH Chè Hoàng Hải. Nay chúng tôi làm đơn tố cáo này đến quý cơ quan ... do hành vi trái pháp luật của chấp hành viên Lê Quang Trọng đã gây ra...”.

Tiếp đó ngày 03/8/2015 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang tiếp tục nhận được phiếu chuyển đơn số 675/CTHA-PCĐ ngày 30/7/2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang kèm theo đơn tố cáo đề ngày 26/6/2015 của ông Hoàng Ngọc Duy, bà Hải, bà Thu, bà Chinh, nội dung đơn tương tự như trên và có bổ sung nội dung là: “.. Thế nhưng năm 2011 ... Tài sản đã kê biên và định giá như sau: QSD đất bị kê biên = 718.938.000 đồng, tài sản kê biên trên đất = 32.602.916 đồng, tài sản của Công ty trên đất không bị kê biên = 318.542.510 đồng... Đồng thời Chấp hành viên Lê Quang Trọng

còn tiến hành cưỡng chế giao tài sản kê biên cho người được thi hành án... Đến năm 2013 ông Trọng tiếp tục kê biên... Ông Trọng đã định giá tổng cộng = 133.235.920 đồng) và tiếp tục bán đấu giá cho ông Hoàng Hữu Thăng (người được thi hành án).

Cả hai lần bán tài sản của năm 2011 và năm 2013 thì toàn bộ số tiền bán được tài sản, Chấp hành viên Lê Quang Trọng chi trả toàn bộ cho các bên được thi hành án mà không xem xét đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình chúng tôi..."

## **2. Nội dung giải trình của người bị tố cáo:**

Căn cứ các Bản án số: 03/2010/DSST ngày 05/11/2010; số: 03/2011/DSST ngày 22/02/2011; số: 04/2011/DSST ngày 22/02/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang; Bản án số: 01/2011/DSPT ngày 04/3/2011, Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số: 05/TB-TA ngày 08/4/2011; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 01/2011/QĐ-PT ngày 09/5/2011 và số: 02/2011/QĐ-PT ngày 10/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; các Quyết định thi hành án số: 26/QĐ-THA ngày 04/4/2011; 112/QĐ-THA ngày 18/4/2011; 160/QĐ-THA; 162/QĐ-THA ngày 16/6/2011; 39/QĐ-THA và 40/QĐ-THA ngày 17/6/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang; bà Lê Thị Dung; trú tại: Thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang phải thi hành án các khoản:

- Án phí dân sự giá ngạch; tổng số tiền: 35.646.000đ; được khấu trừ 600.000đ tiền dự phí kháng cáo, còn phải thi hành 35.046.000đ;

- Thanh toán cho các ông: Hoàng Hữu Thăng; Phạm Ngọc Thanh; Phạm Trung Thành, cùng trú tại: thôn Tân An- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang tổng số tiền: 700.923.664 và lãi suất chậm thi hành án.

Căn cứ Bản án số: 01/2012/DS-ST ngày 01/02/2012 và thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số: 01/2012/TB-TA ngày 20/02/2012; Bản án số: 07/2012/DS-ST ngày 17/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang; Bản án số: 05/2012/DS-PT ngày 29/5/2012 và số: 09/2012/DS-PT ngày 20/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang; Các Quyết định thi hành án số: 194/QĐ-CCTHA ngày 22/6/2012; 231/QĐ-CCTHA ngày 16/8/2012; 08/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2012; 15/QĐ-CCTHA ngày 12/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang bà Lê Thị Dung phải thi hành án các khoản:

- Án phí dân sự giá ngạch; tổng số tiền: 20.958.000đ;

- Thanh toán cho bà Đoàn Thị Hiền; Trú tại: khu Phố- xã Tây Cốc- huyện Đoàn Hùng- tỉnh Phú Thọ số tiền: 342.621.000đ và lãi suất chậm thi hành án.

- Thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Tri; Trú tại: thôn Đá Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang số tiền: 80.545.000đ và lãi suất chậm thi hành án.

Là một Chấp hành viên được phân công trực tiếp tổ chức thi hành các Bản án, quyết định nêu trên đối với bà Lê Thị Dung (người phải thi hành án). Chấp hành viên Lê Quang Trọng đưa ra quan điểm giải trình đối với nội dung tố cáo về việc làm của mình cụ thể như sau:

**2.1.** Toàn bộ quá trình giải quyết việc thi hành án đối với bà Lê Thị Dung; địa chỉ: thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang của Chấp hành viên đã đảm bảo tuân thủ nghiêm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

**2.2.** Việc bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu và Hoàng Thị Kiều Chinh cho rằng: Chấp hành viên đã có hành vi vi phạm pháp luật làm sai quy trình trong việc kê biên cưỡng chế phần diện tích đất 1.928m<sup>2</sup>, thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình ông Hoàng Ngọc Duy dẫn đến việc kê biên cưỡng chế trái quy định của tại khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 gây thiệt hại cho quyền và

lợi ích hợp pháp của chúng tôi và của Công Ty TNHH Chè Hoàng Hải là không có cơ sở bồi lẽ:

**Thứ nhất:** Quá trình giải quyết vụ việc, Chấp hành viên đã nhiều lần phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; UBND xã Hùng An; Cán bộ thôn Thạch Bàn xác minh thực địa quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình bà Dung, ông Duy. Qua xác minh các hộ sử dụng đất liền kề và các cơ quan hữu quan đều khẳng định quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất là của vợ chồng bà Lê Thị Dung và ông Hoàng Ngọc Duy đang sử dụng ổn định (Các bút lục số: 09, 11, 22, 50, 55, 56, 60). Tổng khối tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Dung qua xác định và tạm tính có giá trị là: 1.800.077.916đ (Biên bản xác minh ngày 20/11/2012- Bút lục số 300), bao gồm:

+ Quyền sử dụng 2.640m<sup>2</sup> đất trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư; 600m<sup>2</sup> đất vườn; 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng và 640m<sup>2</sup> đất vườn chè tại thửa số 136 và 136<sup>a</sup>, tờ bản đồ số 19-43; địa chỉ thửa đất: thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ hộ là ông Hoàng Ngọc Duy theo Quyết định số: 400/QSĐĐ/389+390/QĐ-UBND ngày 11/4/2002 của UBND huyện Bắc Quang. Tài sản trên đất có nhà xây kiên cố 02 tầng, mặt bằng xây dựng khoảng 128,49m<sup>2</sup>; nhà xây kiểu biệt thự, hình chữ L; nhà bếp + nhà để xe...

+ Quyền sử dụng 251,5m<sup>2</sup>; trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 151,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 849906 cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy, vợ là Lê Thị Dung ngày 08/7/2008.

Trước khi ra quyết định kê biên, căn cứ quy định tại Điều 89 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, ngày 16/6/2011 Chấp hành viên đã xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bắc Quang. Kết quả xác minh khẳng định Quyền sử dụng 2.640m<sup>2</sup> đất trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư; 600m<sup>2</sup> đất vườn; 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng và 640m<sup>2</sup> đất vườn chè tại thửa số 136 và 136<sup>a</sup>, tờ bản đồ số 19-43; địa chỉ thửa đất: thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy theo Quyết định số: 400/QSĐĐ/389+390/QĐ-UBND ngày 11/4/2002 của UBND huyện Bắc Quang thuộc quyền sử dụng của người phải thi hành án là bà Lê Thị Dung và chồng là ông Hoàng Ngọc Duy (Bút lục số 36, 45).

**Thứ hai:** Từ tài liệu xác minh, giải quyết vụ việc có được cho thấy: Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 13/9/2001 giữa bên chuyển nhượng là cá nhân ông Nguyễn Ngọc Tinh và bên nhận chuyển nhượng là cá nhân ông Hoàng Ngọc Duy cùng trú tại Đội 3, thôn đá Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang, ngày 11/4/2002, UBND huyện Bắc Quang ra quyết định số: 389/QĐ-UB “V/v cho phép chuyển quyền sử dụng đất và cấp giấy CNQSĐĐ cho hộ gia đình, cá nhân” trong đó nêu rõ cho phép hộ ông Nguyễn Ngọc Tinh; nơi ở: thôn Đá Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đang sử dụng đất và tài sản có trên đất được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Ngọc Duy có nhu cầu sử dụng đất tại thôn Đá Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang. Tổng diện tích chuyển nhượng QSD đất là 2.640m<sup>2</sup> tại thửa số 136 và 136<sup>a</sup>, tờ bản đồ số 19-43; Mục đích sử dụng: Đất ở: 400m<sup>2</sup>; Đất vườn tạp; 2.240m<sup>2</sup>.

Tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định:

**“Điều 27. Tài sản chung của vợ chồng**

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và những tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

*Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận.*

*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất.”.*

Đối chiếu với quy định trên cho thấy ông Hoàng Ngọc Duy nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Ngọc Tinh trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp với bà Lê Thị Dung cho nên quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy

Từ các phân tích trên đây cho thấy, quyền sử dụng đất và một số tài sản gắn liền trên đất mà Chấp hành viên đã kê biên là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy; không phải là tài sản của hộ gia đình như nội dung trình bày trong đơn tố cáo. Chấp hành viên tiến hành kê biên để thi hành án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

**2.3.** Việc xác định phần tài sản của bà Lê Thị Dung trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy:

- Căn cứ kết quả xác minh, tạm tính cho thấy tổng khối tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy có giá trị là: 1.800.077.916đ. Bao gồm:

+ Giá trị tổng diện tích đất thực trạng vợ chồng bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy sử dụng tại thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang (3.156m<sup>2</sup>; Trong đó: Tổng diện tích đã được cấp GCNQSDĐ: 2891.5m<sup>2</sup>; Diện tích đất chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD nhưng bà Dung, ông Duy đã sử dụng ổn định từ lâu, không có tranh chấp với ai là: 264m<sup>2</sup> tại thửa số 173b, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An) và tài sản trên đất là: 1.100.077.916đ (*Một tỷ một trăm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm mười sáu đồng*).

+ 01 nhà xây hai tầng, mặt bằng xây dựng tầng 1 là 128,49m<sup>2</sup>, nhà xây kiểu biệt thự, hình chữ L tạm tính giá trị là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*);

- Chấp hành viên chỉ tiến hành kê biên xử lý phần tài sản của bà Lê Thị Dung trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy để thi hành án. Tổng số tiền bán đấu giá tài sản kê biên để thi hành án đối với bà Lê Thị Dung thu được là: 884.768.836đ (*Tám trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*). Cụ thể bao gồm một số tài sản trên đất và tổng diện tích đất đã kê biên: 2772,2m<sup>2</sup>. Trong đó:

+ Lần 1: Ngày 22/9/2011 kê biên 1.739,2m<sup>2</sup> tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43 (Bao gồm: 366,4m<sup>2</sup> đất ở; 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng; 372,8m<sup>2</sup> đất vườn.).

+ Lần 2: Ngày 09/5/2013 kê biên: 1.033m<sup>2</sup> đất vườn (Bao gồm: 640m<sup>2</sup> tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 129m<sup>2</sup> tại thửa số 173b, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An; 264m<sup>2</sup> tại thửa số 173b, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An (Chưa được cấp GCNQSD đất nhưng bà Dung, ông Duy đã sử dụng ổn định từ lâu, không có tranh chấp với ai).

- Để lại phần ông Hoàng Ngọc Duy: Khi kê biên, Chấp hành viên đã để lại cho đồng sở hữu tài sản là ông Hoàng Ngọc Duy phần tài sản có tổng giá trị theo xác minh, tạm tính là: 904.000.000đ (*Chín trăm linh bốn triệu đồng*) bao gồm giá trị 01 nhà xây hai tầng và 383,3m<sup>2</sup> đất; trong đó:

+ 01 nhà xây hai tầng, mặt bằng xây dựng tầng 1 là 128,49m<sup>2</sup>, nhà xây kiểu biệt thự, hình chữ L tạm tính giá trị là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*);

+ 383,3m<sup>2</sup> đất có chiều rộng 12m bóm đường Quốc lộ II tạm tính giá trị khoảng: 204.000.000đ (*Hai trăm linh bốn triệu đồng*) bao gồm: 33,6m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 227,2m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 100m<sup>2</sup> đất ở tại

thửa số 173, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An; 22,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại ở thửa số 173, tờ bản đồ số 66-43.

#### 2.4. Việc thông báo về thi hành án:

- Từ giai đoạn xác minh, giải quyết việc thi hành án đến trước khi kê biên, người phải thi hành án là bà Lê Thị Dung không có mặt tại nơi cư trú cho nên ngày 21/6/2011 Chấp hành viên đã ra Thông báo số: 195/TB-THA thông báo trên Báo pháp luật Việt Nam các số ra ngày 22/6/2011 và ngày 23/6/2011. Nội dung Thông báo nêu rõ:

*“Nếu bà Dung cố tình vắng mặt, ngày 20/7/2011, Chi cục THADS huyện Bắc Quang sẽ kê biên, xử lý tài sản sau của vợ chồng bà Lê Thị Dung ông Hoàng Ngọc Duy để thi hành án.*

- Quyền sử dụng 133m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất tại thửa số: 90<sup>o</sup>; Tờ bản đồ số: 02; xã Hùng An; đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho chủ hộ là ông Hoàng Ngọc Duy và bà Lê Thị Dung, theo Quyết định số: 2225/QĐ-UB ngày 07/9/2007 của UBND huyện Bắc Quang.

- Quyền sử dụng 2.640m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất tại thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang; đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho chủ hộ là ông Hoàng Ngọc Duy theo Quyết định số: 400/QSDD/389 + 390/QĐ-UB ngày 11/4/2002 của UBND huyện Bắc Quang.

*Vậy, Chi cục THADS huyện Bắc Quang thông báo để bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy và các cá nhân, tổ chức, người có quyền lợi liên quan biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.”.*

Tuy nhiên, bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy và các cá nhân, tổ chức, người có quyền lợi liên quan không có mặt theo nội dung thông báo.

Việc cưỡng chế thi hành án, kê biên tài sản cũng đã được thông báo trên Báo pháp luật Việt Nam các số ra ngày 12/9/2011 và ngày 13/9/2011. Nội dung thông báo đã nêu:

*“Vậy, Chi cục THADS huyện Bắc Quang thông báo cho bà Lê Thị Dung, ông Hoàng Ngọc Duy và cá nhân, tổ chức, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nếu cố tình vắng mặt Chi cục THADS huyện Bắc Quang vẫn tiến hành kê biên, xử lý tài sản theo luật định và không chịu trách nhiệm đối với các khiếu nại về sau.”.*

Các thông báo về thi hành án, thông báo cưỡng chế thi hành án cũng đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Khi kê biên, Chấp hành viên đã thông báo cho các bên đương sự quyền thoả thuận về giá của tài sản kê biên, thoả thuận tổ chức thẩm định giá; quyền khởi kiện yêu cầu toà án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của vợ chồng (Biên bản kê biên- Bút lục số 91). Tuy nhiên, đương sự, người liên quan không thoả thuận, không khởi kiện.

- Sau khi kê biên, xác định giá, ngày 09/12/2011 Chấp hành viên đã ra Thông báo số: 274/TB-CCTHA về việc thoả thuận tổ chức bán đấu giá tài sản, ấn định thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo cho người được thi hành án và người phải thi hành án biết quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Bút lục 161). Cùng ngày Chấp hành viên đã ban hành thông báo số 175/TB-CCTHA (Bút lục 162). Nội dung Thông báo đã nêu rõ:

*“Người được thi hành án là: ông Hoàng Hữu Thăng; ông Phạm Ngọc Thanh và ông Phạm Trung Thành; cùng trú tại: Thôn Tân An- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang và người phải thi hành án là bà Lê Thị Dung; trú tại: Thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang có quyền thống nhất về việc bán tài sản chung cho đồng sở hữu tài sản; giá bán tài sản chung và các điều kiện khác về bán tài*

sản để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang thông báo cho đồng sở hữu tài sản chung bị kê biên biết và thực hiện quyền ưu tiên mua tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các đương sự không thống nhất bán tài sản cho chủ sở hữu chung hoặc nội dung thống nhất có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba hoặc vi phạm pháp luật thì sẽ không được chấp nhận và Cơ quan Thi hành án sẽ bán đấu giá tài sản đã kê biên để thi hành án theo quy định của pháp luật.”.

Tuy nhiên, các bên đương sự không thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá tài sản; không thống nhất về việc bán tài sản chung cho đồng sở hữu tài sản. Vì vậy, ngày 10/02/2012, Chấp hành viên đã ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang để thực hiện việc bán đấu giá tài sản đã kê biên và tài sản của Công ty TNHH Hoàng Hải nằm trên diện tích đất bị kê biên.

2.5. Sau khi phân phối tiền bán đấu giá tài sản kê biên và chi trả cho những người được thi hành án, bà Dung còn phải thi hành án các khoản:

- Thanh toán cho Hoàng Hữu Thăng: 4.916.392đ và lãi suất chậm thi hành án;
- Thanh toán cho Phạm Ngọc Thanh: 3.525.488đ và lãi suất chậm thi hành án.
- Thanh toán cho Phạm Trung Thành: 3.465.629đ và lãi suất chậm thi hành án.
- Thanh toán cho Nguyễn Hữu Tri: 59.587.815đ và tiền lãi chậm thi hành án.
- Thanh toán cho bà Đoàn Thị Hiền: 253.473.672đ và lãi suất chậm thi hành án.

Ngày 01/11/2013, người phải thi hành án là bà Lê Thị Dung có đơn đề nghị được thỏa thuận với những người được thi hành án về việc thi hành dứt điểm các khoản phải thi hành án. Chấp hành viên đã báo các bên đương sự đến để giải quyết việc thi hành án theo đề nghị của bà Dung.

- Ngày 06/11/2013, bà Dung đã tự trả cho ông Hoàng Hữu Thăng số tiền: 15.000.000đ trong tổng số tiền phải thi hành án là 31.619.731đ ; trong đó: số tiền gốc là: 4.916.392đ và tiền lãi chậm thi hành án là: 26.703.339đ. Ông Hoàng Hữu Thăng đã tự nguyện từ bỏ quyền lợi đối với số tiền lãi bà Dung còn phải thi hành là: 16.619.731đ.

- Ngày 06/11/2013, bà Dung đã tự trả cho ông Phạm Ngọc Thanh số tiền 9.000.000đ trong tổng số tiền phải thi hành án là: 18.731.040đ trong đó: số tiền gốc là: 3.525.488đ và tiền lãi chậm thi hành án là: 15.205.552đ. Ông Phạm Trung Thành đã tự nguyện từ bỏ quyền lợi đối với số tiền lãi bà Dung còn phải thi hành là: 9.731.040đ.

- Ngày 06/11/2013, bà Dung đã tự trả cho ông Phạm Trung Thành số tiền 9.000.000đ trong tổng số tiền phải thi hành án là: 18.412.998đ trong đó: số tiền gốc là: 3.465.629đ và tiền lãi chậm thi hành án là: 14.947.369đ. Ông Phạm Trung Thành đã tự nguyện từ bỏ quyền lợi đối với số tiền lãi bà Dung còn phải thi hành là: 9.412.998đ.

- Ngày 06/11/2013, bà Dung đã tự trả cho ông Nguyễn Hữu Tri số tiền: 32.000.000đ trong tổng số tiền phải thi hành án là: 67.216.484đ trong đó số tiền gốc là: 59.587.815đ và tiền lãi chậm thi hành án là: 7.628.669đ. Ông Nguyễn Hữu Tri đã tự nguyện từ bỏ quyền lợi đối với tổng số tiền bà Dung còn phải thi hành là: 35.216.484đ.

- Ngày 12/11/2013 bà Dung đã tự trả bằng tài sản cho bà Đoàn Thị Hiền tương ứng số tiền 200.000.000đ trong tổng số tiền phải thi hành án là: 282.888.855đ trong đó: số tiền gốc là: 253.473.672đ và tiền lãi chậm thi hành án là: 29.415.183đ. Bà Đoàn Thị Hiền đã tự nguyện từ bỏ quyền lợi đối với tổng số tiền bà Dung còn phải thi hành là: 82.888.855đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã ra quyết định đình chỉ thi hành án đối với các khoản tiền mà người được thi hành án đã tự nguyện từ bỏ, không yêu cầu thi hành án nêu trên.

Như vậy, tính đến ngày 12/11/2013, Chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong hoàn toàn các vụ việc phải thi hành án đối với bà Lê Thị Dung theo đúng quy định của pháp luật.

**3. Nội dung những tài liệu, bằng chứng mà đoàn xác minh tố cáo đã thu thập được để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo gồm có:**

- Toàn bộ những tài liệu lưu tại hồ sơ thi hành án và những tài liệu do Chấp hành viên cung cấp nêu trên đều thể hiện việc làm theo đúng quy định của pháp luật về thi hành án và các văn bản pháp luật hiện hành của Chấp hành viên đối với vụ Lê Thị Dung.

- Biên bản về việc tiếp công dân ngày 22/5/2015 với ông Hoàng Ngọc Duy: Tại buổi làm việc ông Duy không cung cấp được bằng chứng, tài liệu gì để chứng minh cho nội dung đơn tố cáo.

- Biên bản làm việc xác minh ngày 25/5/2015 với người bị tố cáo; Báo cáo giải trình ngày 23/5/2015, ngày 08/6/2015 của ông Lê Quang Trọng (người bị tố cáo). Tại nội dung buổi làm việc cũng như nội dung giải trình của Chấp hành viên đã đưa ra đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật về việc làm đúng đắn của mình.

- Biên bản làm việc về xác minh tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bắc Quang; Biên bản làm việc, xác minh ngày 29/5/2015 đối với kiểm sát viên (người trực tiếp tham gia cùng Chấp hành viên xác minh điều kiện tài sản vụ Lê Thị Dung trước khi kê biên) trong đó có quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thực địa; Biên bản làm việc xác minh ngày 23/6/2015 của đoàn xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc Quang để làm rõ việc xác minh điều kiện tài sản là quyền sử dụng đất trước khi kê biên: nội dung các biên bản đều khẳng định quá trình tổ chức thi hành án vụ Lê Thị Dung, Chấp hành viên đã tiến hành phối hợp xác minh làm rõ điều kiện tài sản của bà Dung nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy là đúng quy định. Kết quả xác minh đã thể hiện rõ ràng, minh bạch.

- Báo cáo số 186b/BC-THADS ngày 09/6/2015 của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, Báo cáo về quá trình giải quyết thi hành án và quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đối với vụ Lê Thị Dung; Biên bản họp Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 09/6/2015 với sự tham gia của các ngành chức năng của tỉnh của huyện về cho ý kiến về nội dung đơn tố cáo của ông Duy và phát ngôn của Luật sư Cao Xuân Bé đăng trên Báo; Báo cáo số: 189/BC-BCĐ ngày 10/6/2015 của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện Bắc Quang về kết quả họp Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự : Tại nội dung các báo cáo, cũng như các ý kiến phát biểu của các ngành chức năng, cơ quan chuyên môn của huyện, của tỉnh đều khẳng định việc làm của Chấp hành viên Chi cục THADS huyện Bắc Quang là hoàn toàn đúng quy định. Việc viết đơn của ông Duy gửi các cơ quan Báo chí, cũng như phát ngôn của Luật sư Cao Xuân Bé trên các bài báo là hoàn toàn không có căn cứ, sai sự thật.

- Biên bản làm việc ngày 12/6/2015 và ngày 26/6/2015 của Đoàn xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang; Tại nội dung buổi làm việc phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang khẳng định: “trước khi kê biên, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh tại phòng đăng ký kinh doanh. Kết quả xác minh đã thể hiện rõ Công ty TNHH Hoàng Hải không có góp vốn bằng quyền sử dụng đất”.

- Biên bản làm việc xác minh ngày 23/6/2015 của đoàn xác minh tố cáo với người tố cáo (ông Duy); Biên bản làm việc, xác minh, đối thoại ngày 29/6/2015 của đoàn xác minh và UBND xã với người tố cáo (ông Duy), người bị tố cáo (ông Trọng), người phải thi hành án (bà Dung): ông Duy không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng đất có góp vốn, hoặc ông Trọng cưỡng chế đưa máy móc ra khỏi công ty ngày 22/9/2011 như nội dung đơn ông viết. Trong khi đó ông Trọng đưa ra lý lẽ việc làm của mình trên cơ sở pháp luật quy định.



- Biên bản làm việc ngày 07/7/2015 tham vấn các cơ quan hữu quan của đoàn xác minh trước khi ban hành kết luận nội dung tố cáo: các ngành đều khẳng định tài sản mà Chấp hành viên kê biên đó là phần tài sản của bà Dung có trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy. Quyền sử dụng đất đã kê biên không phải là tài sản của công ty TNHH Hoàng Hải.

- Biên bản làm việc, xác minh, ngày 14/7/2015 của đoàn xác minh với đại diện phòng tài nguyên và môi trường huyện Bắc Quang (kèm theo các tài liệu phê tồ để chứng minh nguồn gốc đất là của vợ chồng ông Hoàng Ngọc Duy và bà Lê Thị Dung).

- Biên bản làm việc, xác minh, ngày 14/7/2015 của đoàn xác minh với bà Hoàng Thị Thu và bà Hoàng Thị Kiều Chinh (con) ông Duy, bà Dung. Tại buổi làm việc bà Thu, bà Chinh không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho nội dung trình bày tại đơn tố cáo.

- Một số các chứng cứ tài liệu khác mà đoàn xác minh thu thập được trong hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo trước đây như: đơn đề nghị ngày 29/9/2011 của bà Lê Thị Dung (kèm theo giấy ủy quyền đề ngày 10/05/2010); Công văn trả lời đơn thư công dân số 188/CV-CCTHA ngày 22/11/2011 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang; Đơn khiếu nại đề ngày 15/10/2011 của bà Dung; Công văn trả lời đơn thư công dân số 07/CV-CCTHA ngày 16/01/2012 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang (kèm theo phiếu bảo đảm gửi ông Duy); Quyết định số 389/QĐ-UB ngày 11/4/2002 của UBND huyện Bắc Quang cho phép hộ ông Nguyễn Ngọc Tĩnh chuyển nhượng quyền SD đất là 2.640m<sup>2</sup> cho ông Hoàng Ngọc Duy; nội dung các văn bản này đã thể hiện quyền sử dụng đất mà Chấp hành viên kê biên theo quy định của pháp luật hiện hành thì đó là phần tài sản nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy.

#### **4. Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại trước đây, hồ sơ giải quyết tố cáo, các tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết tố cáo như trên cũng như việc xác minh, đối thoại làm việc trực tiếp với người tố cáo, người bị tố cáo, người liên quan; đại diện UBND xã Hùng An (nơi có tài sản kê biên) và báo cáo của đoàn xác minh tố cáo cho thấy việc tố cáo của bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu, Hoàng Thị Kiều Chinh và của ông Hoàng Ngọc Duy là hoàn toàn sai sự thật.

Toàn bộ quá trình giải quyết việc thi hành án đối với bà Lê Thị Dung trú tại: thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang của ông Lê Quang Trọng- Chấp hành viên trực tiếp tổ chức thi hành vụ việc đã đảm bảo tuân thủ nghiêm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

**4.1. Về nội dung đơn tố cáo** của bà Hải, bà Thu, bà Chinh và của ông Duy **đề cập:** “ ... Hành vi thiếu trách nhiệm và cố ý làm trái quy định pháp luật trong việc xác định phần diện tích đất trên là tài sản chung của vợ chồng (của ông Duy và bà Dung) là không đúng, vì phần đất diện tích 1.928m<sup>2</sup>, thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, được uỷ Ban Nhân Dân Huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy, trong hộ gia đình có 5 thành viên (gồm ông Duy bà Dung và chúng tôi)- Đây là tài sản của hộ gia đình được pháp luật công nhận... trong năm 2011 với tư cách là chấp hành viên, ông Lê Quang Trọng đã tiến hành tổ chức kê biên tài sản không phải tài sản riêng của bà Lê Thị Dung, mà tài sản kê biên là tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình chúng tôi bao gồm 5 thành viên (cụ thể Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản số: 11/QĐ-CCTHA ngày 08/9/2011 của Chi cục THADS huyện Bắc Quang: kê biên QSD đất diện tích 1.982m<sup>2</sup> thửa số 136, tờ bản đồ số 19-43, địa chỉ thửa đất tại thôn Thạch Bàn, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy trong đó có quyền sử dụng của chúng tôi) và những tài sản khác trên đất...Chấp hành viên Lê Quang Trọng đã cố tình làm trái pháp luật vì QSD đất là tài sản

chung của hộ gia đình (chưa được xác định rõ phần giá trị của từng thành viên trong hộ gia đình) ông Trọng không thông báo mà kê biên là trái pháp luật- Trường hợp này chỉ kê biên khi đã thông báo đầy đủ thủ tục theo khoản 1 Điều 74 và chỉ được kê biên khi có Bản án hoặc Quyết định của Tòa án...Đến năm 2013 ông Trọng tiếp tục kê biên... ”.

Với nội dung tố cáo này, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã nghiên cứu hồ sơ thi hành án và quá trình tổ chức thi hành vụ việc của Chấp hành viên Lê Quang Trọng đối với vụ Lê Thị Dung; Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, báo cáo giải trình của Chấp hành viên..., đối chiếu với các văn bản pháp luật về thi hành án dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan cho thấy: quá trình tổ chức thi hành án vụ Lê Thị Dung của Chấp hành viên Lê Quang Trọng là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó việc viết đơn tố cáo có nội dung nêu trên của bà Hải, bà Thu, bà Chinh và của ông Duy do các cấp, các ngành và nhà báo Lê Văn Hiền chuyển đến là hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận bởi các lý do cụ thể như sau:

- **Thứ nhất:** Kết quả xác minh của Chấp hành viên lưu tại hồ sơ thi hành án, cũng như chứng cứ thu thập được cho thấy: Quá trình giải quyết vụ việc, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; đồng thời nhiều lần phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; UBND xã Hùng An; Cán bộ thôn Thạch Bàn xác minh thực địa quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình bà Dung, ông Duy. Qua xác minh các hộ sử dụng đất liền kề và các cơ quan hữu quan đều khẳng định quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất là của vợ chồng bà Lê Thị Dung và ông Hoàng Ngọc Duy đang sử dụng ổn định (Các bút lục số: 09, 11, 22, 50, 55, 56, 60). Tổng khối tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Dung qua xác định và tạm tính có giá trị là: **1.800.077.916đ** (Biên bản xác minh ngày 20/11/2012- Bút lục số 300), bao gồm:

+ Quyền sử dụng 2.640m<sup>2</sup> đất trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư; 600m<sup>2</sup> đất vườn; 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng và 640m<sup>2</sup> đất vườn chè tại thửa số 136 và 136<sup>a</sup>, tờ bản đồ số 19-43; địa chỉ thửa đất: thôn Thạch Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy theo Quyết định số: 400/QSĐĐ/389+390/QĐ-UBND ngày 11/4/2002 của UBND huyện Bắc Quang. Tài sản trên đất có nhà xây kiên cố 02 tầng, mặt bằng xây dựng khoảng 128,49m<sup>2</sup> nhà xây kiểu biệt thự, hình chữ L; nhà bếp + nhà để xe...

+ Quyền sử dụng 251,5m<sup>2</sup> thửa số 173, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An; trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ở và 151,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm đã được UBND huyện Bắc Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 849906, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 00085/QĐSD ngày 08/7/2008 cho hộ ông Hoàng Ngọc Duy, vợ là Lê Thị Dung.

Toàn bộ 02 quyền sử dụng đất nêu trên đều có nguồn gốc do ông Duy và vợ chồng bà Dung, ông Duy nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Cụ thể: diện tích 2.640m<sup>2</sup> đất nêu trên do ông Hoàng Ngọc Duy (chồng bà Dung) **nhận chuyển nhượng** của hộ ông Nguyễn Ngọc Tĩnh từ ngày 11/4/2002 (nội dung này thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/9/2001 giữa ông Duy và ông Tĩnh; Quyết định số 389/QĐ-UB, ngày 11/4/2002); Còn diện tích 251,5m<sup>2</sup> do bà Lê Thị Dung và ông Hoàng Ngọc Duy **nhận chuyển nhượng** của ông Nguyễn Viết Huyền (Buru) và bà Đỗ Thị Hoài (Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 47 ngày 12/6/2008 do bà Dung ký), tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện rõ là (Nhận chuyển nhượng). Trong khi đó, tại khoản 1, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: **“Điều 27. Tài sản chung của vợ chồng**

1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; ...

*Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng...*

*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất.”.*

Đối chiếu với quy định nêu trên cho thấy đây là quyền tài sản mà vợ chồng ông Duy, bà Dung có được sau khi kết hôn do nhận chuyển nhượng mà có, do đó Chấp hành viên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Duy bà Dung là phù hợp quy định pháp luật.

- **Thứ hai:** trong quá trình thu thập tài liệu, đoàn xác minh nhận thấy: ngay tại nội dung các đơn đề nghị, khiếu nại trước đây do chính bà Dung, ông Duy viết gửi kèm theo các tài liệu có liên quan thì mặc nhiên ông Duy, bà Dung đã thừa nhận đó là tài sản chung của vợ chồng ông bà. Cụ thể: tại đơn đề nghị do bà Dung viết ngày 29/9/2011 và đơn khiếu nại bà Dung viết ngày 15/10/2011 đều có nội dung: “... Lô đất 1 mang tên ông Hoàng Ngọc Duy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: S 024986 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 400 QSDĐ/389+390/QĐUB do ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp ngày 11/04/2002

.... Đã ủy quyền cho ông Lê Văn Hiếu, sinh ngày 29/11/1974, giấy chứng minh nhân dân số 141857361 cấp ngày 10/11/2010...” (kèm kèm đơn đề nghị là bản phô tô giấy ủy quyền đề ngày 10/05/2010 có chữ ký bên ủy quyền là ông Duy và bà Dung). Như vậy, rõ ràng việc viết ủy quyền này thì đương nhiên ông Duy, bà Dung đã thừa nhận đó là tài sản của vợ chồng ông bà, do đó ông Duy, bà Dung mới có ủy quyền cho người khác.

- **Thứ ba:** Tại nội dung biên bản họp Ban chỉ đạo thi hành án dân sự huyện ngày 09/6/2015 về việc làm rõ thông tin Báo Diễn đàn Doanh nghiệp phản ánh việc cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, thành phần họp gồm Ban chỉ đạo thi hành án huyện, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh, Công an tỉnh và các ngành chức năng hữu quan của huyện. Tại buổi họp đại diện các ngành đều khẳng định việc kê biên quyền sử dụng đất vụ Lê Thị Dung là đúng quy định, tài sản kê biên đó là quyền tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp.

- **Thứ tư:** Quá trình xác minh, thu thập tài liệu của Đoàn xác minh, giải quyết tố cáo cho thấy: Tại buổi làm việc, đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cũng đã khẳng định 02 quyền sử dụng đất mà Chấp hành viên đã tiến hành xác minh trước khi kê biên để đảm bảo việc thi hành án vụ Lê Thị Dung, đây là quyền sử dụng đất do ông Duy và bà Dung nhận chuyển nhượng sau khi kết hôn mà có, chứ không phải quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cấp đất để cho các thành viên trong hộ gia đình làm phương tiện sản xuất cho nên quyền sử dụng ở đây chỉ thuộc về chủ sử dụng duy nhất là vợ chồng ông Duy, bà Dung theo quy định hiện hành. Mặt khác tại thời điểm làm thủ tục kê khai để xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng 02 quyền sử dụng đất nêu trên (có các giấy tờ kèm theo) chỉ có cá nhân ông Duy và bà Dung, các giấy tờ thủ tục này đã được phòng địa chính, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng Tài nguyên & Môi trường thẩm tra cho thấy cá nhân bà Dung, ông Duy nhận chuyển nhượng sau khi kết hôn và không có thành viên nào khác (nghĩa là không có bà Hải, bà Thu, bà Chinh) do đó theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy.

- **Thứ năm:** Trước và trong khi kê biên phần tài sản mà Chấp hành viên đã xác định đó là phần tài sản của bà Dung nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng ông Duy, bà Dung; Chấp hành viên đều **thông báo cho các bên đương sự và người liên quan biết để thực hiện quyền nghĩa vụ của mình**. Cụ thể, ngày 21/6/2011 Chấp hành viên đã ra Thông báo số: 195/TB-THA thông báo trên Báo pháp luật Việt Nam các số ra ngày 22/6/2011 và ngày 23/6/2011; Đặc biệt tại buổi kê biên ngày 22/9/2011 có sự tham



gia của ông Duy vừa là tư cách cá nhân, vừa là tư cách đại diện Công ty, chính bản thân ông đã được Chấp hành viên thông báo, hướng dẫn: nếu không đồng ý việc xác định phân tài sản kê biên của Chấp hành viên thì ông có quyền khởi kiện ra Tòa trong thời hạn 30 ngày để xác định quyền tài sản theo quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuy nhiên trong vụ việc này, thời hạn khởi kiện đã hết, nhưng các bên đương sự và cá nhân ông Duy vẫn không khởi kiện ra Tòa thì có nghĩa là ông Duy không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, trong trường hợp này cũng đương nhiên đó là tài sản chung của vợ chồng (khoản 3, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000). Do đó, Chấp hành viên Lê Quang Trọng tiến hành kê biên, xử lý tài sản nêu trên theo điểm a khoản 2 điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008 là đúng.

Từ những phân tích trên cho thấy trong quá trình thi hành vụ việc Lê Thị Dung, Chấp hành viên đã thực hiện nghiêm công tác xác minh để xác định quyền tài sản của người phải thi hành án; thực hiện niêm yết, thông báo công khai nội dung xác định tài sản, nội dung kê biên tài sản cho các bên đương sự và người liên quan; trực tiếp giải thích hướng dẫn ông Duy (chồng bà Dung) khởi kiện nếu ông không đồng ý việc xác định của chấp hành viên... Như vậy việc làm này là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, bởi vì: 02 quyền sử dụng đất nêu trên có nguồn gốc do ông Duy, và bà Dung, ông Duy nhận chuyển nhượng tức (có được) sau khi kết hôn. Theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm giải quyết vụ việc thì đây là tài sản chung của vợ chồng bà Dung và ông Duy. Chính vì vậy trong trường hợp này quyền lợi và nghĩa vụ đối với quyền tài sản này theo quy định của pháp luật thì duy nhất chỉ có vợ chồng bà Dung và ông Duy. Không thể đề cập "*các thành viên khác*" như cách hiểu của bà Hải, bà Thu, bà Chinh, ông Duy. Bởi lẽ quyền sử dụng đất này không phải là Nhà nước cấp đất, giao đất cho các thành viên trong hộ gia đình để làm phương tiện sản xuất.

Do đó trong trường hợp này, Chấp hành viên đã **xác định** bà Dung có điều kiện tài sản nằm trong khối tài sản chung vợ chồng nhưng không tự nguyện thi hành, vì vậy Chấp hành viên đã áp dụng biện pháp kê biên phân tài sản tương ứng với phần sở hữu của bà Dung nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy là hoàn toàn phù hợp với điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2008, bởi lẽ tài sản kê biên trong vụ việc này là quyền sử dụng đất hoàn toàn chia được theo quy định tại tiết a, khoản 2, Điều 74 Luật THADS năm 2008.

**4.2. Về nội dung đơn tố cáo mà bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy đề cập:** "*...Việc làm của chấp hành viên Lê Quang Trọng là trái pháp luật đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích của chúng tôi...Cả hai lần bán tài sản của năm 2011 và năm 2013 thì toàn bộ số tiền bán được tài sản, Chấp hành viên Lê Quang Trọng chi trả toàn bộ cho các bên được thi hành án mà không xem xét đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình chúng tôi...*" là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi vì như phân tích ở trên cho thấy: quyền sử dụng đất mà Chấp hành viên kê biên không phải là quyền tài sản của bà Hải, bà Thu và bà Chinh. Mà quyền tài sản này là phần tài sản của bà Dung nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung ông Duy, trong khi đó kết quả xác minh đã thể hiện: Tổng khối tài sản chung của vợ chồng bà Lê Thị Dung qua xác định và tạm tính có giá trị là: **1.800.077.916đ** (Biên bản xác minh ngày 20/11/2012- Bút lục số 300), nhưng Chấp hành viên chỉ tiến hành kê biên xử lý phân tài sản của bà Lê Thị Dung trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy để thi hành án. Tổng số tiền bán đấu giá tài sản kê biên để thi hành án đối với bà Lê Thị Dung thu được là: **884.768.836đ** (*Tám trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*). Cụ thể bao gồm một số tài sản trên đất và tổng diện tích đất đã kê biên: 2772,2m<sup>2</sup>. Trong đó:

+ Lần 1: Ngày 22/9/2011 kê biên 1.739,2m<sup>2</sup> tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43 (Bao gồm: 366,4m<sup>2</sup> đất ở; 1000m<sup>2</sup> đất chuyên dùng; 372,8m<sup>2</sup> đất vườn.).

+ Lần 2: Ngày 09/5/2013 kê biên: 1.033m<sup>2</sup> đất vườn (Bao gồm: 640m<sup>2</sup> tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 129m<sup>2</sup> tại thửa số 173b, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An; 264m<sup>2</sup> tại thửa số 173b, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An (Chưa được cấp GCNQSD đất nhưng bà Dung, ông Duy đã sử dụng ổn định từ lâu, không có tranh chấp với ai), chính quyền địa phương đã khẳng định diện tích này thuộc trường hợp sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Như vậy, khi kê biên Chấp hành viên đã để lại cho đồng sở hữu tài sản là ông Hoàng Ngọc Duy phần tài sản có tổng giá trị theo xác minh, tạm tính là: **904.000.000đ** (*Chín trăm linh bốn triệu đồng*) bao gồm giá trị 01 nhà xây hai tầng và 383,3m<sup>2</sup> đất; trong đó:

+ 01 nhà xây hai tầng, mặt bằng xây dựng tầng 1 là 128,49m<sup>2</sup>, nhà xây kiểu biệt thự, hình chữ L tạm tính giá trị là: 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*);

+ 383,3m<sup>2</sup> đất có chiều rộng 12m bóm đường Quốc lộ II tạm tính giá trị khoảng: 204.000.000đ (*Hai trăm linh bốn triệu đồng*) bao gồm: 33,6m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 227,2m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 136, tờ bản đồ số 19- 43; 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 173, tờ bản đồ số 66-43 bản đồ xã Hùng An; 22,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa số 173, tờ bản đồ số 66-43.

Với phần để lại cho đồng sở hữu tài sản là ông Hoàng Ngọc Duy có tổng giá trị theo xác minh, tạm tính là: **904.000.000đ** (*Chín trăm linh bốn triệu đồng*) như nêu trên là hoàn toàn phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích tương ứng cho đồng sở hữu (ông Duy). Do đó Chấp hành viên không chỉ trả tiền cho ông Duy là đúng, bởi vì cả hai lần kê biên bán đấu giá tài sản để đảm bảo thi hành án của bà Dung chỉ thu được số tiền là: **884.768.836đ**, chưa đủ để thi hành án đối với các khoản còn phải thi hành mà sau đó bà Dung đã có đơn xin được thỏa thuận với những người được thi hành án như nội dung đề cập tại (mục 2.5) ở trên.

**4.3. Về nội dung đơn tố cáo mà bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy đề cập:** “...Đồng thời, chấp hành viên Lê Quang Trọng còn tiến hành cưỡng chế giao tài sản kê biên cho người được thi hành án. Việc cưỡng chế kê biên tài sản và giao tài sản của chấp hành viên Lê Quang Trọng là cố ý làm trái pháp luật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của chúng tôi trong hộ gia đình...”. Về nội dung tố cáo này Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang nhận thấy: bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy hiểu không đúng, sai sự thật bởi lẽ:

Sau khi kê biên, do các bên đương sự không thoả thuận về giá, không thoả thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá; căn cứ Công văn số: 210/THA ngày 15/11/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang cho thấy trên địa bàn tỉnh Hà Giang chưa có tổ chức thẩm định giá cho nên ngày 09/12/2011 Chấp hành viên đã xác định giá đối với tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án và tài sản của Công ty TNHH Hoàng Hải nằm trên diện tích đất bị kê biên nhưng không thuộc diện tài sản bị kê biên theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 15 Nghị định số: 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự và Công văn số: 2970/TCTHA-NV1 ngày 12/10/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự “Về việc hướng dẫn nghiệp vụ một số vấn đề về định giá tài sản trong Thi hành án dân sự”. Căn cứ kết quả xác định giá Ngày 09/12/2011, Chấp hành viên đã ra Thông báo số: 274/TB-CCTHA về việc thoả thuận tổ chức bán đấu giá tài sản, ấn định thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo cho người được thi hành án và người phải thi hành án biết quyền thoả thuận về tổ chức bán đấu giá tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008. Cùng ngày Chấp hành viên cũng đã ra Thông báo số: 275/TB-CCTHA thông báo cho đương sự biết quyền thoả thuận, thống nhất về việc bán tài sản chung cho đồng sở hữu

tài sản, giá bán tài sản chung và các điều kiện khác về bán tài sản để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang thông báo cho đồng sở hữu tài sản chung bị kê biên biết và thực hiện quyền ưu tiên mua tài sản theo quy định tại Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Tuy nhiên, các bên đương sự không thoả thuận về tổ chức bán đấu giá tài sản; không thống nhất về việc bán tài sản chung cho đồng sở hữu tài sản. Vì vậy ngày 10/02/2012, Chấp hành viên đã ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang để thực hiện việc bán đấu giá tài sản đã kê biên và tài sản của Công ty TNHH Hoàng Hải nằm trên diện tích đất bị kê biên ngày 22/9/2011.

Căn cứ Công văn số: 49/TT-NV ngày 12/3/2012 “V/v Thông báo kết quả bán đấu giá” của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang cho thấy việc bán đấu giá tài sản đã thành; người mua được tài sản bán đấu giá là ông Hoàng Hữu Thăng; trú tại: Thôn Tân An- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang. Ngày 04/04/2012, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã phối hợp với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang; các cơ quan chức năng hữu quan và chính quyền địa phương tổ chức giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Tại buổi giao tài sản, người phải thi hành án là bà Lê Thị Dung và ông Hoàng Ngọc Duy (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong khối tài sản chung của vợ chồng và là người đại diện cho Công ty TNHH Hoàng Hải) kiên quyết không giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 103; Điều 116 và Điều 117 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Chấp hành viên tiến hành cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá cho ông Hoàng Hữu Thăng là hoàn toàn đúng quy định.

Như vậy trong trường hợp này, ông Hoàng Hữu Thăng là người mua được tài sản bán đấu giá chứ không phải là người được thi hành án. Do đó việc viết đơn như trên là không đúng, hoàn toàn sai sự thật.

**4.4. Về nội dung đơn tố cáo ông mà bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy đề cập:** “ ...Đến năm 2013 ông Trọng tiếp tục kê biên... và tiếp tục bán đấu giá cho ông Hoàng Hữu Thăng (người được thi hành án). ”. Về nội dung tố cáo này Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang nhận thấy: bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy viết đơn hoàn toàn không có cơ sở, sai sự thật bởi vì: Sau khi phân phối tiền bán đấu giá tài sản kê biên năm 2011 không đủ cho các khoản mà bà Dung phải thi hành các Bản án trước đây, thì bà Dung lại còn phải thi hành các Bản án số: 01/2012/DS-ST ngày 01/02/2012 và thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số: 01/2012/TB-TA ngày 20/02/2012; Bản án số: 07/2012/DS-ST ngày 17/5/2012 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang; Bản án số: 05/2012/DS-PT ngày 29/5/2012 và số: 09/2012/DS-PT ngày 20/7/2012 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang; Các Quyết định thi hành án số: 194/QĐ-CCTHA ngày 22/6/2012; 231/QĐ-CCTHA ngày 16/8/2012; 08/QĐ-CCTHA ngày 10/10/2012; 15/QĐ-CCTHA ngày 12/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang bà Lê Thị Dung phải thi hành án các khoản:

- Án phí dân sự giá ngạch; tổng số tiền: 20.958.000đ;
- Thanh toán cho bà Đoàn Thị Hiền; Trú tại: khu Phố- xã Tây Cốc- huyện Đuan Hùng- tỉnh Phú Thọ số tiền: 342.621.000đ và lãi suất chậm thi hành án.
- Thanh toán cho ông Nguyễn Hữu Tri; Trú tại: thôn Đá Bàn- xã Hùng An- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang số tiền: 80.545.000đ và lãi suất chậm thi hành án.

Do đó để thi hành dứt điểm vụ việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công dân, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, năm 2013 Chấp hành viên thực hiện việc tiếp tục kê biên phần tài sản còn lại của bà Dung (lần 2) nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Dung, ông Duy (như nội dung phân tích ở mục 4.1 và 4.2) là hoàn toàn cần thiết và đúng quy định.

Sau khi kê biên, các bên đương sự không thỏa thuận về giá và tổ chức thẩm định giá, Chấp hành viên đã tiến hành xác định giá của tài sản kê biên đồng thời thông báo cho đương sự về việc thỏa thuận tổ chức bán đấu giá tài sản; quyền thỏa thuận, thống nhất về việc bán tài sản chung cho đồng sở hữu tài sản để làm cơ sở xử lý tài sản kê biên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên hết thời hạn quy định nhưng các bên đương sự không thực hiện quyền, không thỏa thuận.

Để đảm bảo cho việc xử lý tài sản kê biên ngày 19/6/2013 Chấp hành viên đã có văn bản số: 108/CV-THA “V/v đề nghị ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản đã kê biên để thi hành án” gửi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang. Ngày 25/6/2013 Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang có văn bản số: 140/TT-NV gửi đơn vị nêu rõ không ký hợp đồng bán đấu giá tài sản đã kê biên trong vụ việc. Vì vậy, ngày 15/7/2013 Chấp hành viên đã ban hành Thông báo bán đấu giá tài sản số: 300/TB-CCTHA đề xử lý tài sản kê biên theo quy định của pháp luật. Ngày 27/9/2013, Chấp hành viên đã tổ chức bán đấu giá tài sản kê biên ngày 09/5/2013, người mua được tài sản bán đấu giá là ông Phạm Thế Vinh; địa chỉ thôn Tân An, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Ngày 03/10/2013 Chấp hành viên đã tổ chức giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá là ông Phạm Thế Vinh, với sự có mặt tham gia tự nguyện giao của bà Lê Thị Dung (người phải thi hành án); cùng các ngành chức năng của huyện, chính quyền địa phương và người hàng xóm giáp ranh liền kề chứng kiến (Bút lục 618).

Như vậy việc viết đơn của ông Duy, bà Hải, bà Thu, bà Chinh cho rằng: “ ...Đến năm 2013 ông Trọng ... tiếp tục bán đấu giá cho ông Hoàng Hữu Thăng (người được thi hành án).” Là hoàn toàn sai sự thật.

**4.5. Về nội dung đơn tố cáo mà bà Hải, bà Thu, bà Chinh đề cập:** “ ...ông Trọng sai quy trình kê biên theo khoản 1 điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 gây thiệt hại nghiêm trọng đến Công ty TNHH Chè Hoàng Hải.”. Với nội dung tố cáo này là hoàn toàn không có cơ sở, bởi vì:

- Thứ nhất: tại các nội dung nhận xét đánh giá ở phần trên cho thấy: Chấp hành viên đã thực hiện đúng quy trình kê biên theo quy định tại điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Nội dung này được phân tích tại (mục 4.1, 4.2) nêu trên.

- Thứ hai: Việc làm của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án vụ Lê Thị Dung đã được tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về thi hành án, pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành của ngành cấp trên tại thời điểm tổ chức thi hành án. Do đó hoàn toàn không gây thiệt hại đến Công ty TNHH Chè Hoàng Hải, bởi vì tài sản của Công ty TNHH Chè Hoàng Hải có trên quyền sử dụng đất của người phải thi hành án bị kê biên, Chấp hành viên Lê Quang Trọng đã tiến hành xử lý theo đúng quy định tại điều 113 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty đã được Chấp hành viên giải thích làm rõ được thể hiện tại biên bản làm việc với ông Hoàng Ngọc Duy- Giám đốc Công ty TNHH Chè Hoàng Hải. Ông Duy cũng đã có đơn xin nhận lại tiền, tài sản của Công ty TNHH Hoàng Hải, Chi cục Thi hành án cũng đã chi trả đảm bảo quyền lợi của Công ty theo quy định hiện hành.

Từ những phân tích đánh giá trên cho thấy việc bà Hải, bà Thu, bà Chinh và ông Duy viết đơn tố cáo có nội dung nêu trên là hoàn toàn sai sự thật.

## II/ KẾT LUẬN:

- Kết luận về những hành vi bị tố cáo: Quá trình tổ chức thi hành án đối với bà Lê Thị Dung của ông Lê Quang Trọng- Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Toàn bộ nội dung tố cáo của bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu, Hoàng Thị Kiều Chinh viết do Nhà báo Lê Văn Hiền gửi cho Chi cục THADS huyện Bắc Quang, cũng

như đơn của bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu, Hoàng Thị Kiều Chinh và của ông Hoàng Ngọc Duy gửi các cấp, các ngành và các cơ quan Báo chí là hoàn toàn sai sự thật.

- Kết luận về việc người tố cáo cố ý hay không cố ý tố cáo sai sự thật:

+ Đối với Ông Hoàng Ngọc Duy viết nhiều đơn tố cáo gửi các cấp các ngành có nội dung tương tự, mặc dù đã được Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang kết luận, trả lời tại nhiều văn bản, nhưng vẫn tiếp tục viết đơn tố cáo sai sự thật như vừa nêu trên, đây là hành vi cố ý. Tuy nhiên hiện tại đơn vị đang kiến nghị cơ quan có thẩm quyền (Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện) xem xét giải quyết xử lý hành vi cố ý tố cáo sai sự thật có nội dung: "... *Nghiêm trọng hơn là ông Lê Quang Trọng đã cưỡng chế đưa các tài sản, máy móc, thiết bị của công ty đã đầu tư trên đất từ năm 2002 đến năm 2011 ra khỏi diện tích xây dựng nhà xưởng*" được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang phân tích tại kết luận số 01/KL-CCTHA ngày 13/7/2015 theo quy định tại Điều 122 Bộ luật hình sự. Do đó Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang chỉ gửi bổ sung kết luận này để các cơ quan có thẩm quyền nêu trên tiếp tục làm cơ sở xem xét giải quyết theo quy định.

+ Đối với bà Hoàng Thị Hải, Hoàng Thị Thu, Hoàng Thị Kiều Chinh tuy viết đơn tố cáo sai sự thật, nhưng coi đây là lần đầu, do tuổi còn trẻ, chưa hiểu hết các quy định về pháp luật thi hành án dân sự, chưa hiểu hết về nguồn gốc tài sản mà Chấp hành viên kê biên là quyền sử dụng đất do vợ chồng ông Duy, bà Dung nhận chuyển nhượng (có được) sau khi kết hôn mà theo quy định của pháp luật đó là tài sản chung của vợ chồng ông Duy, bà Dung. Đặc biệt là Quyền sử dụng 2.640m<sup>2</sup> do ông Duy nhận chuyển nhượng từ ông Tỉnh tại thời điểm trước ngày 11/4/2002, trong khi đó bà Hoàng Thị Kiều Chinh sinh ngày 30/6/2002 (sinh sau thời điểm nhận chuyển nhượng) cho nên tại thời điểm đó bà lại càng không hiểu biết là thực tế. Do đó Chi cục THADS huyện Bắc Quang coi đây là không cố ý.

### III/ KIẾN NGHỊ

Đề nghị các ngành chức năng của huyện tiếp tục xem xét kết luận này để làm cơ sở cho việc sớm xem xét để xử lý nghiêm việc cố ý tố cáo sai sự thật của ông Duy được phân tích và kiến nghị tại kết luận số 01/KL-CCTHA ngày 13/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, góp phần đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo uy tín danh dự cho Chấp hành viên (ông Lê Quang Trọng) chủ trì buổi cưỡng chế ngày 22/9/2011, theo quy định hiện hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Tổng cục THADS (Thay B/c);
- Vụ giải quyết KN, TC- Tổng cục THADS (Thay B/c);
- Cục THADS tỉnh Hà Giang (Thay B/c);
- Thường trực Huyện ủy (Thay B/c);
- Thường trực HĐND, UBND huyện (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND- Trưởng ban chỉ đạo THADS huyện (Thay B/c);
- VKS ND huyện Bắc Quang (G/s);
- Báo Diễn đàn Doanh nghiệp;
- Báo Pháp luật & xã hội;
- Báo Bảo vệ pháp luật;
- Báo Công an;
- Người tố cáo, bị tố cáo (thực hiện);
- Lưu VT, HS.

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
  
**Đặng Ngọc Thanh**